

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 01 - 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 565/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Sỹ K, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 290/10/5T4 đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 290/10/5T4 đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ K trình bày: Ông K và bà Nguyễn Thị Vân A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, Quận 8,

Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2002, quyển số 01 ngày 27/8/2002).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2004 mâu thuẫn phát sinh vì lúc mang thai đứa con thứ hai bà A tự ý phá thai bỏ con, đến năm 2008 bà A tiếp tục tự ý bỏ thêm một đứa con nữa dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi vã với nhau, bà A không quan tâm, chăm sóc, bỏ bê gia đình, con cái. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Dù hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Sỹ K yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Vân A.

Về nuôi con chung: Ông K xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 24/8/1999, hiện con đã thành niên. Ngoài ra không còn con chung, con nuôi nào khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K xác định vợ chồng không có tài sản chung và khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Vân A trình bày: Bà và ông Nguyễn Sỹ K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2002, quyển số 01 ngày 27/8/2002).

Tại bản tự khai đề ngày 25/9/2020 bà A cho rằng ông K có bản tính lẳng nhăng thường quen người phụ nữ khác rồi về gây gỗ với với bà, hiện ông đang quen người khác nên yêu cầu ly hôn nhằm mục đích đuổi bà ra khỏi nhà để chiếm đoạt tài sản chung nên bà không đồng ý ly hôn. Tại Biên bản hòa giải ngày 24/11/2020 bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu không đồng ý ly hôn vì bà không hề phá thai để bỏ đứa con nào cả. Vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhỏ nhưng không đến mức ly hôn, ông K đang bị bệnh cũng cần có sự chăm sóc của bà A. Nhưng nếu ông K muốn ly hôn thì phải chia căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 290/20/5T4 (số mới 290A/25) đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà A thì bà mới đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 24/8/1999, hiện con đã thành niên. Ngoài ra không còn con chung, con nuôi nào khác.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai ngày 25/9/2020 bà Nguyễn Thị Vân A trình bày: Bà và ông K có tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 290A/25 đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay bà đang làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung đối với căn nhà này theo quy định của pháp luật và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà, ông K với bà Nguyễn Thị An H đối với căn nhà vì thực tế các bên không có việc mua bán với nhau. Tại Biên bản hòa giải ngày 24/11/2020 bà cho rằng: Vợ chồng có căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 290/20/5T4 (số mới 290A/25) đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện bà A và ông K đang cư ngụ tại căn nhà trên. Tại thời điểm này bà A không có yêu cầu gì đối với tài sản chung.

Lúc 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 11 năm 2020 (tức sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2) bà Nguyễn Thị Vân A đã nộp Đơn yêu cầu về việc giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn đề ngày 23/11/2020. Theo đó bà A xác định tài sản chung vợ chồng gồm: Nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 290A/25 đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (trị giá nhà đất tạm tính là 2.000.000.000 đồng); Một tủ quần áo bằng gỗ (trị giá tạm tính 5.000.000 đồng); Một tủ trang điểm bằng gỗ (trị giá tạm tính là 2.000.000 đồng); Một tủ kệ bếp bằng gỗ (trị giá tạm tính là 2.000.000 đồng).

Tổng trị giá tài sản chung tạm tính là 2.009.000.000đ (hai tỷ không trăm lẻ chín triệu đồng). Bà A yêu cầu Tòa án chia cho bà ½ số tài sản nêu trên, bà yêu cầu được nhận giá trị, không nhận tài sản.

Về nợ chung: Bà A xác định vợ chồng không khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Sỹ K đối với bà Nguyễn Thị Vân A; Về con chung: Đã thành niên; Về tài sản chung không xem xét; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Vân A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Vân A.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ K thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn cư trú Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét thấy, ông Nguyễn Sỹ K và bà Nguyễn Thị Vân A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2002, quyền số 01 ngày 27/8/2002) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu của ông K xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Vân A.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai phải có sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thế nhưng, giữa ông K, bà A đã không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bỏn phận người đó, mạnh ai nấy sống. Bà A cho rằng ông K đang bị bệnh cũng cần có sự chăm sóc của bà nhưng theo như ông K trình bày ông bị bệnh đã nhiều năm nay nhưng bà A không quan tâm, chăm sóc ông và hiện ông cũng không cần đến sự chăm sóc của bà A. Đồng thời, việc chia tài sản chung của vợ chồng cũng không phải là lý do để xem xét việc có giải quyết ly hôn. Mặc dù, hiện ông K và bà A còn sống chung nhưng thực tế đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Vợ chồng đã được họ hàng hai bên nhắc nhở, khuyên nhủ; Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng lần thứ nhất bà A vắng mặt không có lý do, lần thứ hai hòa giải không thành; Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Vân A vẫn vắng mặt điều này thể hiện bà A không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông K là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về nuôi con chung: Đương sự cùng xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 24/8/1999. Ngoài ra không còn con chung, con nuôi nào khác. Hiện trẻ Khánh đã thành niên.

[3.4] Về tài sản chung:

Ông K xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/9/2020 bà Nguyễn Thị Vân A xác định hiện nay bà đang làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung đối với căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 290A/25 đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà, ông K với bà Nguyễn Thị An H.

Cùng ngày bà A nộp đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2020 để khởi kiện bà Nguyễn Thị An H về việc yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng đối với nhà đất số 290A/25 đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 20/8/2019, công chứng số 007536 tại Văn phòng Công chứng Vương Mỹ Hằng được lập giữa bà, ông

Nguyễn Sỹ K với bà Nguyễn Thị An H; Yêu cầu chia cho bà A $\frac{1}{2}$ nhà đất số 290A/25 đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 766554 cấp ngày 13/02/2012 mang tên Nguyễn Sỹ K, Nguyễn Thị Vân A. Giá trị nhà đất trên hiện nay khoảng 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng).

Đến ngày 16/10/2020 bà A nộp đơn khởi kiện (V/v thay đổi yêu cầu khởi kiện) đề ngày 23/9/2020 với yêu cầu: Tuyên hợp đồng chuyển nhượng nhà đất số 290A/25 đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 20/8/2019, công chứng số 007536 tại Văn phòng Công chứng Vương Mỹ Hằng được lập giữa bà, ông Nguyễn Sỹ K với bà Nguyễn Thị An H là vô hiệu.

Sau khi xem xét đơn khởi kiện. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện nêu trên là tranh chấp liên quan đến tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, không hề liên quan đến vụ án Tranh chấp ly hôn đang giải quyết. Đồng thời, trong các đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân A thì bà A khởi kiện bà Nguyễn Thị Khang A chứ không phải kiện ông Nguyễn Sỹ K nên đây cũng không phải là yêu cầu phản tố trong vụ án Tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Thẩm phán giải quyết vụ án đã chuyển trả đơn cho Chánh án Tòa án nhân dân Quận 8 để tiến hành thụ lý đơn khởi kiện theo quy định pháp luật. Ngày 03/11/2020 Tòa án nhân dân đã tiến hành thụ lý đơn yêu cầu nêu trên của bà Nguyễn Thị Vân A theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 296/2020/TB-TA ngày 03 tháng 11 năm 2020.

Ngày 24/11/2020 Tòa án nhân dân Quận 8 mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải bà cho rằng vợ chồng có căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 290/20/5T4 (số mới 290A/25) đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện bà A và ông K đang cư ngụ tại căn nhà trên. Tại thời điểm này bà không có yêu cầu gì đối với tài sản chung.

Sau khi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kết thúc bà A đã nộp Đơn yêu cầu về việc giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn đề ngày 23/11/2020. Theo đó bà A xác định tài sản chung vợ chồng gồm: Nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 290A/25 đường D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Một tủ quần áo bằng gỗ; Một tủ trang điểm bằng gỗ; Một tủ kệ bếp bằng gỗ. Tổng trị giá tài sản chung tạm tính là 2.009.000.000đ (hai tỷ không trăm lẻ chín triệu đồng). Bà A yêu cầu Tòa án chia cho bà $\frac{1}{2}$ số tài sản nêu trên, bà yêu cầu được nhận giá trị, không nhận tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu chia tài sản chung của bà A là yêu cầu phản tố của bị đơn được đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà A theo quy định tại Điều 200 và Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nếu sau khi ly hôn hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời, nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 290A/25 đường D, Phường X, Quận 8, Thành

phố Hồ Chí Minh cũng đang được Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 296/2020/TB-TLVA ngày 03 tháng 11 năm 2020.

[3.5] Về nợ chung: Ông K và bà A cùng xác định vợ chồng không khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 201, Khoản 2 Điều 227, và Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ K.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Sỹ K được ly hôn bà Nguyễn Thị Vân A. (Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2002, quyển số 01 do Ủy ban nhân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/8/2002 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

Về nuôi con chung: Đương sự cùng xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 24/8/1999. Hiện trẻ K đã thành niên.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự cùng xác định không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Sỹ K phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/ 0043808 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Tiến